

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2024/NQ-HĐND

Kiên Giang, ngày....tháng.... năm 2024

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách và mức chi đặc thù cho trẻ em
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ.....**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Trẻ em ngày 05 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 121/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội Khóa XIV về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước.

Xét Tờ trình số.../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh, trình dự thảo Nghị quyết quy định chính sách và mức chi đặc thù cho trẻ em trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng ... năm 2024 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách và mức chi đặc thù cho trẻ em trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Trẻ em trên địa bàn tỉnh Kiên Giang là người dưới 16 tuổi theo quy định tại Điều 1 Luật Trẻ em.

2. Các Cơ sở trợ giúp xã hội công lập và ngoài công lập có nuôi dưỡng trẻ em; Cơ sở cai nghiện ma túy đa chức năng tỉnh Kiên Giang; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan khác.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Kinh phí hỗ trợ được chi cho cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của trẻ em theo quy định của pháp luật.

2. Trong quá trình thực hiện, trong trường hợp trung ương ban hành chính sách có cùng nội dung hỗ trợ được quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định có mức hỗ trợ cao hơn.

3. Căn cứ vào các giấy tờ tùy thân của trẻ em hợp pháp theo quy định của pháp luật để xác định độ tuổi của trẻ em.

Điều 4.

1. Hỗ trợ cho trẻ em vào Tháng hành động vì trẻ em, Tết Trung thu hàng năm.

Đối tượng hỗ trợ: Trẻ em đang sinh sống tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang thuộc 14 nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo quy định tại Khoản 1 Điều 10 của Luật Trẻ em.

Hỗ trợ bằng 1 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội/trẻ em, hỗ trợ 02 lần/năm.

2. Hỗ trợ cho các Cơ sở trợ giúp xã hội công lập và ngoài công lập có nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt; Cơ sở cai nghiện ma túy đa chức năng tỉnh Kiên Giang để tổ chức hoạt động sinh hoạt, họp mặt, vui chơi giải trí cho trẻ em tại cơ sở.

Mức hỗ trợ bằng 20 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội/Cơ sở/lần, hỗ trợ 2 lần/năm.

Điều 5. Hỗ trợ cho trẻ em khi đang nằm viện điều trị tại cơ sở y tế tuyến huyện trở lên vào ngày Tết Nguyên đán hàng năm.

1. Hỗ trợ cho trẻ em thuộc 14 nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo quy định tại Khoản 1 Điều 10 của Luật Trẻ em; Trẻ em thuộc hộ nghèo, thuộc hộ cận nghèo.

2. Mức hỗ trợ bằng 1 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội/trẻ em.

Điều 6. Hỗ trợ giải quyết khó khăn trong trường hợp trẻ em bị xâm hại, bệnh, tật, tai nạn, rủi ro trong cuộc sống.

1. Hỗ trợ trẻ em bị xâm hại tình dục; trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bạo lực; trẻ em bị mua bán; trẻ em bị bắt cóc (*Trẻ em là người dưới 16 tuổi tại thời điểm xảy ra vụ việc*).

Mức hỗ trợ bằng 10 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội/trẻ em/vụ việc; trường hợp nếu bị tử vong hỗ trợ bằng 20 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội/trẻ em.

2. Hỗ trợ trẻ em thuộc hộ nghèo, thuộc hộ cận nghèo khi bị tai nạn, thương tích phải nằm viện điều trị tại cơ sở y tế tuyến huyện trở lên.

a) Hỗ trợ bằng 5 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội/trẻ em/vụ việc nếu có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 20%.

b) Hỗ trợ bằng 10 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội/trẻ em/vụ việc nếu có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 21% trở lên.

c) Hỗ trợ bằng 20 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội/trẻ em nếu bị tử vong.

3. Hỗ trợ trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định tại Phụ lục IV danh mục ban hành kèm theo Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu hoặc bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định tại danh mục được ban hành kèm theo Thông tư số 46/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Y tế ban hành Danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày, thuộc hộ nghèo, thuộc hộ cận nghèo phải nằm viện điều trị tại các cơ sở y tế từ tuyến huyện trở lên.

Hỗ trợ một lần bằng 20 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội/trẻ em.

4. Hỗ trợ trẻ em khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật thuộc hộ nghèo, thuộc hộ cận nghèo.

a) Hỗ trợ chi phí đến khám, chẩn đoán bệnh bằng 3 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội/trẻ em/đợt khám, hỗ trợ 01 lần/năm.

b) Hỗ trợ tiền ăn trong thời gian điều trị tại bệnh viện bằng 0,2 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội/ngày/trẻ em, hỗ trợ theo thực tế số ngày điều trị nhưng không quá 15 ngày.

Điều 7. Kinh phí thực hiện

1. Ngân sách nhà nước theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Nguồn kinh phí huy động từ các nguồn tài trợ, đóng góp của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và các nguồn tài trợ hợp pháp khác.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả, công khai, minh bạch, đúng chế độ.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa X, Kỳ họp thứthông qua ngày ... tháng ... năm 2024 và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ LĐTB&XH;
- Cục Kiểm tra VBQPPL Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Kiên Giang;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Thường trực HĐND cấp huyện;
- Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Phòng Công tác HĐND;
- Trang Hồ sơ công việc;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH